

Bản án số: **155** /2021/HSPT

Ngày: 09/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

***- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hương

*Các thẩm phán:* Bà Trần Thị Hà

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

***- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 09/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 300/2021/HSPT ngày 06/10/2021 đối với bị cáo Lương Văn T cùng đồng bọn do có kháng cáo của bị cáo Lương Văn T, Trương Văn T, Nguyễn TA, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 144/2021/HSST ngày 19/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

***\* Bị cáo có kháng cáo:***

**1. Lương Văn T**, sinh năm 1986, tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Thôn Quyết Tiến, xã Tiền Phong, huyện YD, tỉnh B Nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Ngọc Y, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị D, sinh năm 1959; vợ là Thân Thị Hà, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: không có

- Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021 đến ngày 16/4/2021 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại. (Có mặt)

**2. Trương Văn T**, sinh năm 1980 tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Thôn Đào Lạng, xã Bắc Lũng, huyện LN, tỉnh B Nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ là Đào Thị N, sinh năm 1982; bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2020.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: không có
- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 26/02/2021, bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (*Có mặt*)

**3. Nguyễn TA**, sinh năm 1999 tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Thôn Đông Khánh, xã Tư Mại, huyện YD, tỉnh B

- Nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Hoạch, sinh năm 1972, bà Ngụy Thị Bảy, sinh năm 1973; vợ là Nguyễn Thị Linh, sinh năm 2000; bị cáo có 01 con sinh năm 2021

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: không có
- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 26/02/2021, bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (*Có mặt*)

**4. Hoàng Văn H**, sinh năm 1986 tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Thôn Trung, xã Đồng Việt, huyện YD, tỉnh B.

- Nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trọng Ấp, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Lương Thị Bốn, sinh năm 1959; vợ là Nguyễn Thị Thành, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: không có
- Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021 đến ngày 16/4/2021 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại (*Có mặt*)

**5. Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988 tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Thôn Ngạc Làng, xã Nghĩa Phương, huyện LN, tỉnh B

- Nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Toại, sinh năm 1969, con bà Nguyễn Thị Bào, sinh năm 1968; vợ là Trần Thị Tuyết, sinh năm 1989 và có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2020.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: không có
- Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 26/02/2021, bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại

**\*Bị hại:** Công ty TNHH KHKTNLMT Boviet

Địa chỉ: Lô B5-B6, khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, xã Song Khê, thành phố B, tỉnh B

Đại diện theo pháp luật: Ông Xie Zhao Chun - Chức danh: Giám đốc điều hành kiêm Tổng Giám (*Vắng mặt*)

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1995 (*Vắng mặt*)

HKTT: Thôn Bất Động, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

Nơi làm việc: Công ty TNHH KHKTNLMT Boviet, địa chỉ: Lô B5-B6, khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, xã Song Khê, thành phố B, tỉnh B

*\* Người tham gia tố tụng khác: Ngoài ra vụ án còn có 01 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, 2 người làm chứng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI D VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Văn T, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn T, Nguyễn TA và Trương Văn T đều là công nhân làm việc tại bộ phận kho của Công ty TNHH KHKTNLMT Boviet (viết tắt là Công ty Boviet) thuộc khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, xã Song Khê, thành phố B, tỉnh B. Trong đó T, T, T làm công việc lái xe nâng; TA là lao động phổ thông; còn H là quản lý kho. Quá trình sản xuất của công ty có thành phẩm là các tấm pin năng lượng mặt trời, sau khi đóng thành các thùng hàng thành phẩm sẽ được xe nâng đưa lên xe ô tô để vận chuyển từ kho thành phẩm của công ty đến kho lưu trữ tại khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Y, B. Quá trình vận chuyển, bộ phận kho cần chuẩn bị “Phiếu xuất kho thành phẩm” có đầy đủ chữ ký của bộ phận tài vụ, bộ phận QC (kiểm tra chất lượng hàng) và cán bộ trực ban thì nhân viên bảo vệ mới cho chuyển hàng ra khỏi công ty. Ngày 16/02/2021 (tức mùng 5 tết NguY đán), nhận thấy công tác quản lý không chặt chẽ, các nhân viên chưa đi làm nhiều do là ngày đầu tiên làm việc trở lại sau kì nghỉ tết, T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là dây hàn báo phé (dây hàn làm bằng đồng, mạ thiếc, đã qua sử dụng) được ép thành 26 khối hình chữ nhật, xếp trên một tấm pallet để tại khu hàng báo phé gần nhà vệ sinh của công ty. T rủ T, T cùng tham gia và được cả hai đồng ý, cả ba cùng thống nhất T sẽ trộm cắp những khối dây hàn này rồi ngụy trang thành kiện hàng thành phẩm của công ty, trà trộn cùng các kiện hàng thành phẩm thật đưa lên xe ô tô chuyển sang kho lưu trữ ở khu công nghiệp Quang Châu, còn T và T trong quá trình nhận hàng ở kho lưu trữ sẽ tìm cách tiêu thụ. Do cần người hỗ trợ trong việc vận chuyển các khối dây hàn và người làm thủ tục giấy tờ để việc trà trộn hàng đưa lên xe ô tô thuận lợi, T đã rủ thêm TA, H và được cả hai đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T và TA cùng nhau đến vị trí tấm pallet bên trên có 26 khối dây hàn báo phé. Do tấm pallet bị chắn bởi 04 thùng hàng thành phẩm nên T và TA sử dụng xe nâng trong kho của công ty để chuyển 04 thùng hàng ra vị trí khác rồi dùng xe nâng chuyển tấm pallet trên đến khu vực trống cách vị trí ban đầu khoảng 15m, đồng thời chuyển các kiện hàng thành phẩm đặt xung quanh các khối dây hàn nhằm tránh sự phát hiện. Tại đây, T và TA KH những khối dây hàn sang một tấm pallet mới, xếp lại cho gọn gàng rồi lấy cuộn nilon, máy bắn dây đai có sẵn trong kho để bọc xung quanh và cố định các khối dây hàn với nhau, đóng vào một thùng bìa cát tông hình hộp chữ nhật có ghi thông tin của các tấm pin năng lượng mặt trời thành phẩm. Sau khi ngụy trang xong, T điều khiển xe nâng chuyển tấm pallet này đến khu vực tập kết hàng của

công ty để chuẩn bị đưa lên xe ô tô vận chuyển. Lúc này, H đưa 02 tờ “Giấy mai thâu” cho T dán vào kiện hàng chứa các dây hàn trộm cắp cho giống với các kiện hàng thành phẩm thật, rồi chuẩn bị “Phiếu xuất kho thành phẩm” đối với 16 kiện hàng (thực tế chỉ có 15 kiện hàng thành phẩm còn 01 kiện hàng chứa các khối dây hàn trộm cắp). Khoảng 15 giờ cùng ngày, H thấy không có ai trông coi nên đã gọi điện thoại báo cho T. Sau đó, T điều khiển xe nâng chuyển kiện hàng chứa các khối dây hàn trộm cắp lên xe ô tô biển kiểm soát 98H-003.82 do anh Nguyễn Văn Anh điều khiển, trả trộn cùng các kiện hàng thành phẩm để chở sang kho lưu trữ tại Khu công nghiệp Quang Châu. Sau khi T đưa hàng lên xe ô tô xong, H cầm phiếu xuất kho đi xin chữ ký của bộ phận tài vụ, bộ phận QC theo đúng trình tự. Khi xe ô tô 98H-003.82 đi đến cổng thì bảo vệ của công ty là anh Lê Văn Thắng thấy trên phiếu xuất kho còn thiếu chữ ký của cán bộ trực ban nên đã yêu cầu xe dừng lại và bổ sung đầy đủ chữ ký mới cho qua. Lúc này, cán bộ trực ban là ông Liu Qiu Gui (người Trung Quốc) đi đến để ký tên thì phát hiện trên xe có 01 thùng hàng thành phẩm có hình thức đáng nghi nên đã tiến hành kiểm tra, phát hiện bên trong thùng hàng này có chứa các khối dây hàn báo phé và báo cáo sự việc đến ban lãnh đạo của công ty.

Cùng ngày 16/02/2021, Công ty Boviet có đơn trình báo Đồn Công an Quang Châu, huyện Việt Y, tỉnh B.

Ngày 18/02/2021, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra trọng lượng của tài sản bị trộm cắp, kết quả tổng khối lượng của 26 khối dây hàn là 1.850kg. Sau đó đã tạm giao lại tài sản cho công ty. Cùng ngày, Trương Văn T và Nguyễn TA đã ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Cơ quan điều tra đã cho T, TA tiến hành nhận dạng qua ảnh, kết quả T và TA đều nhận ra được những người còn lại đã cùng mình tham gia vào việc trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lương Văn T, Nguyễn Văn T và Hoàng Văn H; Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra vụ án, kết quả T, TA, H đều chỉ ra được vị trí để các khối dây hàn, đồng thời T và TA đã tự thực hiện lại được hành vi đóng gói, ngụy trang và vận chuyển tám pallet chứa các khối dây hàn trộm cắp như đã khai nhận tại Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 22/02/2021, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Các sợi dây kim loại đồng mạ thiếc có kích thước khác nhau được ép lại thành 26 khối hình hộp chữ nhật, có tổng khối lượng là 1.850kg, có trị giá là  $100.000\text{đồng/kg} \times 1.850\text{kg} = 185.000.000\text{ đồng}$ .

Đối với anh Nguyễn Văn Anh là lái xe ô tô tải biển kiểm soát 98H-003.82 chở 16 kiện hàng trong đó có một kiện hàng chứa các khối dây hàn trộm cắp, tuy nhiên không biết việc các bị cáo trộm cắp tài sản và trả trộn thành hàng thành phẩm đưa lên xe nên không phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty Boviet đã nhận lại đủ tài sản bị trộm cắp nên không có yêu cầu về bồi thường dân sự.

Tại Cơ quan điều tra Lương Văn T, Trương Văn T, Nguyễn TA, Hoàng Văn H và Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 108/CT - VKS ngày 15/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo Lương Văn T, Trương Văn T, Nguyễn TA, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2021/HSST ngày 19/8/2021 của TAND thành phố B, tỉnh B đã quyết định:

\* Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

**1.1.** Xử phạt bị cáo Lương Văn T **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021 đến ngày 16/4/2021

- Phạt bổ sung bị cáo Lương Văn T bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước.

\* Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

**1.2.** Xử phạt bị cáo Trương Văn T **02** (Hai) năm **10** (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 26/02/2021.

- Phạt bổ sung bị cáo Trương Văn T bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước.

**1.3.** Xử phạt bị cáo Nguyễn TA **02** (Hai) năm **10** (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 26/02/2021.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn TA bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước.

**1.4.** Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H **02** (Hai) năm **08** (Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021 đến ngày 16/4/2021

- Phạt bổ sung bị cáo Hoàng Văn H bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước.

**1.5.** Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 18/02/2021 đến ngày 26/02/2021.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuY xử lý vật chứng, án phí, tiền thu lợi bất chính và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24/8/2021 bị cáo Trương Văn T, Nguyễn TA nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 26/8/2021 bị cáo Hoàng Văn H nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Ngày 31/8/2021 bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và giảm phạt bổ sung bằng tiền.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Các bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo và trình bày cụ thể:

Bị cáo Lương Văn T: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, xin rút kháng cáo giảm phạt bổ sung bằng tiền lý do: đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, phạm tội lần đầu, tại phiên tòa xác định hành vi của bị cáo cấp sơ thẩm đánh giá là đúng, bị cáo do không nhận thức được nên đã có thái độ khai báo không thành khẩn, bị cáo là lao động chính, con còn nhỏ đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Bị cáo Trương Văn T xin hưởng án treo với lý do: Bị cáo không có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, hối hận về hành vi mình đã thực hiện. Bị cáo có bố đẻ là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, là lao động chính, Đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí.

Bị cáo Nguyễn TA xin hưởng án treo với lý do: Bị cáo không có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, hối hận về hành vi mình đã thực hiện. sau khi phạm tội ra đầu thú. Bị cáo có con còn nhỏ, là lao động chính. Đã nộp tiền phạt bổ sung, tiền thu lợi bất chính và án phí.

Bị cáo Hoàng Văn H xin hưởng án treo với lý do: Bị cáo không có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, hối hận về hành vi mình đã thực hiện. Đã nộp tiền phạt bổ sung, tiền thu lợi bất chính và án phí.

Bị cáo Nguyễn Văn T xin hưởng án treo, xin rút kháng cáo giảm phạt bổ sung bằng tiền với lý do: Bị cáo thành khẩn khai báo, hối hận về hành vi mình đã thực hiện, phạm tội lần đầu. Đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí.

- Đại diện VKSND tỉnh B thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1, Điều 355; Điều 357- BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn T, Trương Văn T, Nguyễn TA, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn T sửa bản án sơ thẩm số 144/2021/HSST ngày 19/8/2021 của TAND thành phố B, tỉnh B cụ thể: Giảm cho bị cáo Lương Văn T từ 3 năm 6 tháng còn 3 năm. Bị cáo Trương Văn T, Nguyễn TA, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn T giữ nguY mức án sơ thẩm nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo 5 năm kể từ ngày tuY án phúc thẩm.

+ Về án phí HSPT: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Phần tranh luận:

+ Các bị cáo không tranh luận gì

- Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Lương Văn T: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo

Trương Văn T, Nguyễn TA, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn T: Xin hưởng án treo

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng XX thấy:

Ngày 16/02/2021, tại Công ty Boviet, thuộc Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, xã Song Khê, thành phố B các bị cáo Lương Văn T, Trương Văn T, Nguyễn TA, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn T đều là công nhân của Công ty BoViet cùng nhau có hành vi trộm cắp các sợi dây kim loại đồng mạ thiếc có kích thước khác nhau được ép lại thành 26 khối hình hộp chữ nhật, có tổng khối lượng là 1.850kg, trị giá 185.000.000 đồng của Công ty Boviet.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người liên quan và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi có ý trực tiếp, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất hành vi, vai trò, thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo T, H, TA, T xin hưởng án treo, bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nên các vấn đề khác của án sơ thẩm đã tuY về tội danh, điều luật áp dụng, phạt bổ sung, xử lý vật chứng. án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

[2] Xét nội D kháng cáo của các bị cáo thấy:

- Về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến lĩnh vực an toàn, trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Án sơ thẩm nhận định là có căn cứ

- Về vai trò của bị cáo trong vụ án: Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên không có sự cấu kết tổ chức chặt chẽ giữa các bị cáo trong việc thực hiện tội phạm nên chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. T là người khởi xướng và rủ bị cáo T, T cùng tham gia nên có vai trò lớn nhất; bị cáo T là người rủ bị cáo H, TA tham gia và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp; bị cáo TA trực tiếp thực

hiện hành vi trộm cắp, nguy trang các khối dây hàn thành kiện hàng thành phẩm nên hai bị cáo có vai trò thứ hai ngang nhau; bị cáo H tuy không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng là người chuẩn bị giấy tờ và báo cho bị cáo T khi công ty không có ai qua lại để đưa hàng lên xe ô tô vận chuyển đi nên bị cáo có vai trò thứ ba; bị cáo T đồng ý tham gia và cùng bị cáo T chờ nhận hàng trên kho ở khu công nghiệp Quang Châu nhưng không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo cũng chưa bàn bạc hay chuẩn bị gì về cách thức chiếm đoạt tài sản sau khi nhận được hàng nên có vai trò thứ tư trong vụ án đồng phạm này. Án sơ thẩm nhận định vai trò của từng bị cáo như trên là có căn cứ.

- Về tình tiết T nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết T nặng

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy: Cấp sơ thẩm xác định quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo có thái độ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” do vậy áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (trừ bị cáo T). Bị cáo T, TA đã ra đầu thú; bị cáo H có bố đẻ là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo đều được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa cả 5 bị cáo vẫn giữ nguY yêu cầu kháng cáo và xuất trình được thêm chứng cứ tài liệu mới là các biên lai nộp tiền áp phí, nộp tiền phạt bổ sung. Bị cáo Trương Văn T nộp tài liệu bị cáo có bố đẻ là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T thừa nhận do không hiểu biết nên bị cáo đổ lỗi cho các bị cáo khác nay bị cáo đã nhận thức việc làm của mình là sai trái. Hội đồng xét xử thấy án sơ thẩm xử bị cáo Lương Văn T mức án 3 năm 06 tháng tù, Nguyễn TA 02 năm 10 tháng tù, Hoàng Văn H 02 năm 08 tháng tù, Nguyễn Văn T 02 năm 06 tháng tù là đảm bảo, tại phiên tòa các bị cáo nộp thêm tài liệu chứng cứ mới về việc chấp hành pháp luật. Bị cáo T thừa nhận hành vi của mình nên cần xem xét áp dụng cho các bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS, Bị cáo T thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên theo quy định tại điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355, Điều 357 - Bộ luật tố tụng hình sự.



## QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lương Văn T và kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn TA, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn T. Sửa bản án sơ thẩm số 144/2021/HSST ngày 19/8/2021 của TAND thành phố B, tỉnh B:

[1]. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lương Văn T **03** (ba) năm **03** (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021 đến ngày 16/4/2021

- Phạt bổ sung bị cáo bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước. (Xác nhận bị cáo đã nộp xong).

[2]. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với bị cáo Trương Văn T, Nguyễn TA, Hoàng Văn H, Nguyễn Văn T).

Xử phạt bị cáo Trương Văn T **02** (Hai) năm **10** (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuY án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Bắc Lũng, huyện LN, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt bổ sung bị cáo bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước. (Xác nhận bị cáo đã nộp xong).

[3]. Xử phạt bị cáo Nguyễn TA **02** (Hai) năm **10** (Mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuY án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Tư Mại, huyện YD, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt bổ sung bị cáo bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước. (xác nhận bị cáo đã nộp xong)

[4]. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H **02** (Hai) năm **08** (Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuY án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đồng Việt, huyện YD, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt bổ sung bị cáo bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước. (xác nhận bị cáo đã nộp xong)

[5]. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuY án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Nghĩa Phương, huyện LN, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt bổ sung bị cáo bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước. (xác nhận bị cáo đã nộp xong)

Trường hợp người được hưởng án treo (T, TA, H, T) thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7]. Các vấn đề khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 144/2021/HSST ngày 19/8/2021 của TAND thành phố B tỉnh B không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh B;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh B;
- STP B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Hải Hương**